

Bản án số: **08/2025/HS-ST**
Ngày 06-8-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Châu Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;
2. Bà Võ Thị Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: bà Hồ Thị Hoàng Sa, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà Trần Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA ngày 23 tháng 7 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn H, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1988, tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; nơi cư trú: tổ 3, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 28/8/2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Ngày 01/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xử phạt 12 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị bắt tạm giữ ngày 21/3/2025, chuyển tạm giam ngày 27/3/2025; *Có mặt*.

- Bị hại:

- + Bà Lê Thị T, sinh năm 1961; *Có mặt*.
- + Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; *Vắng mặt*.

+ Ông Nguyễn T, sinh năm 1957; *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Q, thành phố Đà Nẵng).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1984. Địa chỉ: khu phố số 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng). *Vắng mặt.*

+ Bà Lê Thị Kim D, sinh năm 1995. Địa chỉ: tổ 12, thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Q, thành phố Đà Nẵng). *Vắng mặt.*

+ Ông Lê Văn L, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã N, thành phố Đà Nẵng). *Vắng mặt.*

- *Người làm chứng:* ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Địa chỉ: khu phố số 4, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng). *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ ngày 19/3/2025, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 92KA-1716 đi từ Đà Nẵng về hướng huyện Q, tỉnh Quảng Nam cũ để tìm kiếm đào cây sim về bán. Đến trưa cùng ngày, bị cáo H ăn trưa tại thị trấn Đ. Sau đó, bị cáo H tiếp tục đi về hướng xã Q, huyện Q. Khi đến thôn T, xã Q, H ghé vào nhà ông Nguyễn T để xin nước uống nhưng không thấy ai ở nhà nên bị cáo H nảy sinh ý định đột nhập vào nhà ông T để trộm cắp tài sản. Bị cáo H đi ra xe của mình lấy 01 cây sắt thường gọi là “báy” (loại dụng cụ để nhổ đinh) rồi đi ra phía sau nhà ông T, bị cáo H sử dụng “báy” cạy cửa sổ nhà ông T rồi đột nhập vào nhà lấy 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 màu xanh đen của ông T đang để tại phòng khách bỏ vào túi quần rồi đi ra ngoài. Bị cáo H tiếp tục điều khiển xe đi dọc theo bờ rừng thuộc xã Q thì thấy nhà bà Nguyễn Thị H có cửa sổ bị hỏng nên bị cáo H đột nhập vào nhà bà H để trộm cắp tài sản. Sau khi đột nhập vào nhà bà H, H lục lọi trong tủ quần áo nhà bà H thì phát hiện có 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13 màu vàng nên bị cáo H lấy bỏ vào túi quần của mình rồi ra khỏi nhà bà H. Sau đó, bị cáo H tiếp tục dùng “báy” để cạy cửa đột nhập vào nhà bà Lê Thị T lục lọi tìm kiếm tài sản, bị cáo H phát hiện ở túi áo treo trong tủ quần áo có một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng và một hộp tròn màu đỏ bên trong có 01 chỉ vàng 9999, 01 nhẫn vàng tây có đính đá màu trắng, 01 nhẫn vàng tây có đính đá màu hồng nên bị cáo H lấy hết số tài sản này bỏ vào túi quần của mình; bị cáo H tiếp tục phát hiện 01 con heo đất trong tủ quần áo, bị cáo H lấy con heo đất đập xuống nền nhà rồi lấy hết tiền bên trong heo đất (khoảng 3.000.000 đồng) rồi đi ra khỏi nhà bà T. Sau đó, bị cáo H điều khiển xe đi về hướng H. Khi đi đến tiệm vàng Phi thuộc tổ dân phố L, thị trấn Đ (do ông Trần Đình P làm chủ), bị cáo H đem chỉ vàng 9999 vừa trộm cắp được vào bán cho chị Lê Thị Kim D (con dâu ông P) được số tiền 9.620.000 đồng, bị cáo H đưa

cho chị D thêm 4.380.000 đồng tiền mặt (*trong đó có 3.000.000 đồng trộm cắp tại nhà bà T*), tổng cộng là 14.000.000 đồng và yêu cầu chị D chuyển tiền vào số tài khoản 1012870523 Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyen Van H. Sau khi nhận được tiền, bị cáo H đi về thị trấn H, huyện T, bị cáo H đi đến tiệm vàng D tại thị trấn H, huyện T bán 02 chiếc nhẫn vàng tây đã trộm cắp cho chị Nguyễn Thị Ngọc L (*chủ tiệm*) được số tiền 4.200.000 đồng, bị cáo H đưa thêm 500.000 đồng (*tiền trộm cắp trong túi áo nhà bà T*) tiền mặt rồi nhờ chị L chuyển tiền vào số tài khoản 1012870523 Ngân hàng Vietcombank mang tên Nguyen Van H. Số tiền trộm cắp được bị cáo H đã chuyển khoản trả nợ cho Phạm Văn H số tiền 10.000.000 đồng; Nguyễn Chí Q số tiền 3.500.000 đồng; Lê Minh T số tiền 4.500.000 đồng và Nguyễn Thành T số tiền 300.000 đồng. Sau đó, bị cáo H tiếp tục điều khiển xe đến tiệm sửa điện thoại “H Iphone” do ông Nguyễn Văn H làm chủ để nhờ mở khoá đối với 02 chiếc điện thoại mà bị cáo H trộm cắp được tại xã Q thì bị Công an xã Q, huyện Q cũ mời làm việc.

Ngày 19/3/2025, ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị T làm đơn báo cáo gửi Công an xã Q.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 01/KL-HĐĐGTS ngày 27/3/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Quế Sơn kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13 màu vàng có giá 3.420.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 màu xanh đen có giá 200.000 đồng; 01 chỉ vàng 9999 có giá 9.620.000 đồng; 02 nhẫn vàng tây có giá 4.400.000 đồng; 01 con heo đất bị vỡ có giá trị 0 đồng. Tổng giá trị tài sản định giá là 17.640.000 đồng.

Vật chứng thu giữ trong vụ án: 01 (một) xe mô tô biển số 92KA-1716; 01 (một) mũ bảo hiểm màu đen hiệu Asia; 01 (một) “báy” nhỏ dính bằng kim loại; 01 (một) con heo đất đã bị bể; 01 (một) túi nilong màu đen treo trên xe máy bên trong có: 01 (một) gói khẩu trang, 01 (một) đôi găng tay màu đen, 01 (một) mũ trùm đầu bằng vải; 01 (một) ví da màu nâu; 01 (một) thẻ ATM Vietcombank tên Nguyễn Văn H; 02 (hai) hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản; 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo màu xanh đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi 13 màu vàng, 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F11 màu xanh đen, 02 (hai) nhẫn vàng tây (*đã trả lại cho chủ sở hữu*); Số tiền: 637.000 đồng; 02 (hai) đĩa CD-R ghi nhận lúc Nguyễn Văn H bán vàng tại tiệm vàng P và tiệm vàng D.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSQS ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng) đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng) vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố tại Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Về hình phạt: căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn

H mức án từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 21/3/2025).

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị T 01 chỉ vàng 9999 và số tiền 3.500.000 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 4.200.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) “báy” nhỏ đinh bằng kim loại; 01 (một) con heo đất đã bị bể; 01 túi ni lông màu đen bên trong có: 01 (một) gói khẩu trang, 01 (một) đôi găng tay màu đen, 01 (một) mũ trùm đầu bằng vải.

- Trả lại cho Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo màu xanh đen; 01 (một) cái mũ bảo hiểm màu đen hiệu Asia; 01 (một) ví da màu nâu và số tiền 637.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 92KA-1716 mà bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Nguyễn Văn H bên trong tài khoản có số tiền 20.932.791 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 (hai) hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản và 02 (hai) đĩa CD-R ghi nhận lúc Nguyễn Văn H bán vàng tại tiệm vàng P và tiệm vàng D là vật chứng nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng). Bị hại yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại và yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Kim D có đơn xin xét xử vắng mặt; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng gồm: ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Ngọc L, ông Lê Văn L và anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử xét thấy những người trên đã có lời khai tại hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 292, 293 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ tại phiên tòa.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quế Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử kết luận:

Vào ngày 19/3/2025, tại thôn T, xã Q, huyện Q; bị cáo H đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Nguyễn T 01 điện thoại di động hiệu OPPO F11 màu xanh đen; trộm cắp của bà Nguyễn Thị H 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13 màu vàng; trộm cắp của bà Lê Thị T 01 chỉ vàng 9999, 02 nhẫn vàng tây và 3.500.000 đồng tiền mặt. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H đã trộm cắp là 21.140.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 17/CT-VKSQS ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đà Nẵng) và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: quyền sở hữu tài sản của mọi công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng với bản tính tham lam, lười lao động, thích hưởng thụ trên thành quả lao động của người khác, bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với mục đích thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5]. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử và đi chấp hành án nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng mà lại tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Bị cáo H ba lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, trong đó có hai lần giá trị tài sản trộm cắp trên 2.000.000 đồng nên bị cáo H phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ

luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa, nhưng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân tốt cho xã hội.

[6]. Về những nội dung khác trong vụ án:

- Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc L và Lê Thị Kim D: khi mua vàng do bị cáo H bán, chị L và chị D không biết đây là tài sản do bị cáo H trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý.

- Đối với xe mô tô biển số 92KA-1716 mà bị cáo H dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản: Quá trình điều tra xác định xe mô tô này do ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1962; trú tại thôn V, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam đứng tên chủ sở hữu. Đến năm 2012, ông T đã bán lại xe này cho ông Lê Văn L, sinh năm 1968; trú tại thôn N, xã T, huyện N. Đến năm 2015, ông L bán xe này cho một người không rõ lai lịch quê ở Nghệ An. Bị cáo H khai nhận xe mô tô này do một người bạn quê ở Nghệ An cho bị cáo cách đây vài năm. Do đó, có cơ sở để xác định xe mô tô biển số 92KA-1716 hiện nay thuộc quyền sở hữu của bị cáo H.

- Đối với việc bị cáo H dùng tiền trộm cắp mà có chuyển khoản trả nợ cho Phạm Văn H, Nguyễn Chí Q, Lê Minh T và Nguyễn Thành T: Qua xác minh những người này vắng mặt tại địa phương, đi đâu, làm gì địa phương không rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra không làm việc được nên không có cơ sở xử lý.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị H đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường. Bà Lê Thị T yêu cầu bị cáo H bồi thường 01 chỉ vàng 9999 và số tiền 3.500.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc bị cáo H phải có trách nhiệm bồi thường các khoản thiệt hại do bị cáo đã gây ra cho các bị hại.

[8]. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) “báy” nhỏ đỉnh bằng kim loại; 01 con heo đất đã bị bể; 01 túi ni lông màu đen bên trong có: 01 (một) gói khẩu trang, 01 (một) đôi găng tay màu đen, 01 (một) mũ trùm đầu bằng vải.

- Trả lại cho Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo màu xanh đen; 01 (một) cái mũ bảo hiểm màu đen hiệu Asia; 01 (một) ví da màu nâu và số tiền 637.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 92KA-1716 mà bị cáo dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Nguyễn Văn H bên trong tài khoản có số tiền 20.932.791 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đối với 02 (hai) hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản và 02 (hai) đĩa CD-R ghi nhận lúc Nguyễn Văn H bán vàng tại tiệm vàng P và tiệm vàng D là vật chứng nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[9]. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Văn H 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 21/3/2025).

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự;

Xử: Buộc bị cáo Nguyễn Văn H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Lê Thị T 01 (Một) chỉ vàng 9999 (trị giá ngày 06/8/2025 là 10.980.000 đồng) và số tiền 3.500.000 (Ba triệu, năm trăm nghìn) đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị Ngọc L số tiền 4.200.000 (Bốn triệu, hai trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Xử:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 (một) “báy” nhỏ đỉnh bằng kim loại; 01 con heo đất đã bị bể; 01 túi ni lông màu đen bên trong có: 01 (một) gói khẩu trang, 01 (một) đôi găng tay màu đen, 01 (một) mũ trùm đầu bằng vải.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) điện thoại di động hiệu ViVo màu xanh đen; 01 (một) cái mũ bảo hiểm màu đen hiệu Asia; 01 (một) ví da màu nâu và số tiền 637.000 (Sáu trăm ba mươi bảy nghìn) đồng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) xe mô tô biển số 92KA-1716 của bị cáo Nguyễn Văn H.

- Tiếp tục tạm giữ 01 (một) thẻ ATM Vietcombank mang tên Nguyễn Văn H bên trong tài khoản có số tiền 20.932.791 đồng (được phong tỏa ngày 28/4/2025) để đảm bảo thi hành án.

- Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 02 (hai) hợp đồng vay tiền và thế chấp tài sản và 02 (hai) đĩa CD-R ghi nhận bị cáo Nguyễn Văn H bán vàng tại tiệm vàng P và tiệm vàng D.

(Các vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn cũ, nay là Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/6/2025 và trong hồ sơ vụ án. Riêng số tiền 637.000 đồng do Kho bạc Nhà nước khu vực XII quản lý theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 28/4/2025 (BL133)).

4. Về án phí: căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 *(Hai trăm nghìn)* đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 934.000 *(Chín trăm ba mươi bốn nghìn)* đồng.

5. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06-8-2025). Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 6 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo, người TGTG khác;
- Lưu hồ sơ vụ án; Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Thị Kim Phụng